TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo

Bà Đỗ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Đức H, sinh năm 1995; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số A L, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số nhà A, đường L, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1995; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số B H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ: Số B H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Lê Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Minh N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Đ tại Nhật Bản vào ngày 25/11/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, định hướng tương lai khác nhau nên mỗi lần nói chuyện đều xảy ra cãi vã. Mặc dù đã được hai bên gia đình can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2023 đến nay, vợ chồng anh sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Lê Khải N1, sinh ngày 03/3/2023. Sau khi ly hôn, do con chung còn nhỏ nên anh có nguyện vọng giao con cho chị N nuôi dưỡng. Trong thời gian chị N không ở Việt Nam thì giao con cho bà ngoại là Đỗ Thị Kim L chăm sóc cho đến khi chị N về nước. Anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị N là 3.000.000đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Nguyễn Thị Minh N ở Nhật Bản nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị N. Bà Đỗ Thị Kim L (là mẹ đẻ của chị N) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị N ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị N vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị N biết. Quan điểm của chị N về việc giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định thời gian, điều kiện kết hôn như anh H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị phát hiện anh H có tình cảm với người khác. Tháng 7/2022, anh H đuổi chị đi nên chị đã chuyển ra ngoài sống riêng. Từ cuối năm 2023 đến nay, vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay anh H có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 01 con chung như anh H trình bày. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung. Anh H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ/1 tháng, chị đồng ý. Trong thời gian ở nước ngoài, chị nhờ bà chăm sóc cháu Lê Khải N1, bà đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh H vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị N vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Đức H được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh N. Về con chung: Giao cho chị N được nuôi dưỡng con chung là Lê Khải N1, sinh ngày 03/3/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị N ở nước ngoài, tạm giao cháu N1 cho bà Đỗ Thị Kim L nuôi dưỡng. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh N hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các văn bản mà anh H gửi về và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị X (là mẹ đẻ) nộp thay gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin xét xử vắng mặt đều có xác nhận của Đ tại Nhật Bản nên được xác định là hợp pháp.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị N tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh H và gia đình chị N cung cấp địa chỉ, nhưng anh H và gia đình chị N không cung cấp được. Bà Đỗ Thị Kim L là mẹ đẻ chị N xác định chị N vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc anh H có đơn xin ly hôn, chị N không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án

nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

[1.4] Tại phiên tòa, anh H, bà L vắng mặt, có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức H và chị Nguyễn Thị Minh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đ tại Nhật Bản vào ngày 25/11/2021 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh H và chị N đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không có sự tin tưởng nhau. Từ năm 2023, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H có đơn xin ly hôn, chị N đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị N đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho anh H được ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh H và chị N có 01 con chung là Lê Khải N1, sinh ngày 03/3/2023. Hiện nay cháu N1 đang ở cùng bà ngoại là Đỗ Thị Kim L. Sau khi ly hôn, anh H và chị N thống nhất giao cháu N1 cho chị N nuôi dưỡng. Trong thời gian ở nước ngoài, chị N nhờ bà L chăm sóc cháu N1 cho đến khi chị N về Việt Nam, bà L đồng ý. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Anh H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh,

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Đức H ly hôn chị Nguyễn Thị Minh N.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Minh N được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Khải N1, sinh ngày 03/3/2023 kể từ tháng 06/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu N1 cho bà Đỗ Thị Kim L nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000đ/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh H chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Lê Đức H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) do bà Nguyễn Thị X nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0000536 ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí.

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con (anh H chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Đức H và chị Nguyễn Thị Minh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà Đỗ Thị Kim L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa